

Bản án số: 192/2020/HSST
Ngày 30 - 5 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Văn Nhung.

2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trung Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:
Ông Cao Tấn Ngoan, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 và 30 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 151/2020/HSST ngày 14 tháng năm 2020; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 164/2020/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Phan Bá L, sinh năm 1981 tại tỉnh Nghệ An; thường trú: Xóm 8 xã S, huyện L, tỉnh Nghệ An; tạm trú: 137/13 khu phố P1, phường B Thành phố K, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê (thợ cơ khí); trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Phan Bá N, sinh năm 1954 và con bà Lê Thị V, sinh năm 1955; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị T, sinh năm 1989 và có 01 con sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 26/01/2020 đến ngày 13/4/2020 được hủy bỏ biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh, có mặt.

2. Trịnh Tiến C sinh năm 1987 tại tỉnh Thanh Hóa; thường trú: Thôn T xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: 46/15 khu phố P1, phường B Thành phố K, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê (thợ hồ); trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Trịnh Tiến K (đã chết) và con bà Lê Thị M, sinh năm 1954; bị cáo có vợ tên Dương Thị H, sinh năm 1987 và có 01 con sinh năm 2017; tiền sự: Không có.

Tiền án: Ngày 13/11/2019, Tòa án nhân dân Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm 03 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 2 năm 6 tháng về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, theo bản án

số 389/2019/HSST (bị cáo C bị tạm giam từ ngày 7/3/2019 đến ngày 11/8/2019). Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/01/2020, có mặt.

3. Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1978 tại tỉnh Bình Dương; thường trú: 14/9 khu phố L1, phường A, Thành phố K, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Văn V (đã chết) và con bà Trần Thị M, sinh năm 1947; bị cáo có vợ tên Phạm Thị Thanh T, sinh năm 1986 và có 01 con sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không có; bị tạm giam từ ngày 26/01/2020 đến ngày 13/4/2020 được hủy bỏ biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh, có mặt.

4. Nguyễn Văn L1, sinh năm 1990 tại tỉnh Nghệ An; thường trú: Thôn K xã L, huyện C, tỉnh Nghệ An; tạm trú: Tổ 17 khu phố P1 phường B, Thành phố K, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn X (đã chết) và con bà Hoàng Thị L, sinh năm 1952; bị cáo có vợ tên Trần Thị H, sinh năm 1993 và có 02 con sinh năm 2016 và năm 2019; tiền án, tiền sự: Không có; bị tạm giam từ ngày 26/01/2019 đến ngày 10/4/2020 được hủy bỏ biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh, có mặt.

5. Nguyễn Thanh B, sinh năm 1997 tại tỉnh Bình Dương; thường trú: Tổ 7 ấp C, thị trấn T huyện T, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn Văn Kỳ V, sinh năm 1969 và con bà Lương Thị L, sinh năm 1970; bị cáo có 02 anh em ruột, bị cáo là thứ 2; tiền án, tiền sự: Không có; bị tạm giam từ ngày 26/01/2019 đến ngày 19/3/2020 được hủy bỏ biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh, có mặt.

6. Trịnh Thị N, sinh năm 1946 tại tỉnh Bình Dương; thường trú: 38/13 khu phố P1, phường B, Thành phố K, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn C (đã chết) và con bà Nguyễn Thị H (đã chết); tiền án, tiền sự: Không có; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

7. Võ Thị Ngọc Đ, sinh năm 1962 tại tỉnh Đồng Nai; thường trú: 87/18 khu phố P1, phường B, Thành phố K, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; con ông Võ Đại T, sinh năm 1940 (đã chết) và con bà Võ Thị T, sinh năm 1940 (đã chết); bị cáo có chồng tên Phan Văn T, sinh năm 1965 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 1980, nhỏ nhất sinh năm 1984; tiền án, tiền sự: Không có; bị cáo bị tạm giam từ ngày 26/01/2020 đến ngày 10/4/2020 được hủy bỏ biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh, có mặt.

Người làm chứng: Chị Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1964.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 21 giờ 30 phút ngày 26/01/2020, Công an phường Tân Bình, Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương kiểm tra hành chính nhà bị cáo Võ Thị Ngọc Đ địa chỉ 87/18 khu phố P1, phường B, Thành phố K. Tại đây có các bị cáo Nguyễn Thanh B, Nguyễn Hoàng T, Trịnh Tiến C, Nguyễn Văn L1, Phan Bá L, Trịnh Thị N và một số người khác không rõ nhân thân đánh bài cào thắng thua bằng tiền, lúc này số đối tượng không rõ nhân thân tẩu thoát, lực lượng Công an tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với B, T, Đ, C, L1, L và N.

Vật chứng thu giữ: Tiền tại chiếu bạc 300.000 đồng (50.000 đồng của bị cáo L1, 50.000 đồng của bị cáo N và 200.000 đồng của số người đánh bạc khi bị phát hiện đã tẩu thoát), một bộ bài tây đã qua sử dụng. 8.350.000 đồng của bị cáo L, C, T, L1, B, N và 1.750.000 đồng của bị cáo Đ (trong đó 200.000 đồng tiền xâu, 1.550.000 đồng tiền bán nước, mì tôm cho các bị cáo trong khi đánh bạc).

Số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc:

- Nguyễn Thanh B mang theo và sử dụng 1.060.000 đồng đánh bạc, khi bị bắt B thua 100.000 đồng, thu giữ trên người B 960.000 đồng.

- Nguyễn Hoàng T mang theo 5.800.000 đồng, sử dụng 1.800.000 đồng đánh bạc, khi bị bắt T thắng 700.000 đồng, thu giữ trên người T 6.500.000 đồng.

- Trịnh Tiến C mang theo và sử dụng 430.000 đồng đánh bạc, khi bị bắt thắng 100.000 đồng, thu giữ trên người C 530.000 đồng.

- Nguyễn Văn L1 mang theo 2.400.000 đồng, sử dụng 400.000 đồng đánh bạc, khi bị bắt L1 thắng 500.000 đồng, thu giữ trên người 2.850.000 đồng, thu trên chiếu bạc 50.000 đồng.

- Phan Bá L mang theo số tiền 3.700.000 đồng, sử dụng 3.700.000 đồng để đánh bạc, thời điểm bị bắt L thua 2.100.000 đồng, thu giữ trên người 1.600.000 đồng.

- Trịnh Thị N mang theo số tiền 1.000.000 đồng, sử dụng 1.000.000 đồng đánh bạc, thời điểm bị bắt thắng 850.000 đồng, thu giữ trên người 1.800.000 đồng, thu trên chiếu bạc là 50.000 đồng.

- Võ Thị Ngọc Đ không tham gia đánh bạc, nhưng cung cấp bài tây, sử dụng địa điểm nhà mình cho các bị cáo đánh bạc lấy tiền xâu, bị cáo Đ được các bị cáo khác cho tiền xâu 200.000 đồng và phục vụ bán nước, mì tôm thu lợi 1.550.000 đồng.

Cáo trạng số 187/CT – VKS ngày 14 tháng 4 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Phan Bá L, Trịnh Tiến C, Nguyễn Hoàng T, Nguyễn Văn L1, Nguyễn Thanh B, Trịnh Thị N, Võ Thị Ngọc Đ về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên bản cáo trạng truy tố đối với các bị cáo, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ:

Khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phan Bá L từ 6 đến 8 tháng tù.

Khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trịnh Tiến C từ 7 đến 9 tháng tù. Căn cứ Điều 56 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt 01 năm 03 tháng tù cho hưởng án treo, theo bản án số 389/2019/HSST ngày 13/11/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương để buộc bị C phải chấp hành chung hình phạt chung của hai bản án từ 1 năm 10 tháng đến 2 năm tù.

Khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng T từ 7 tháng 24 ngày đến 11 tháng cải tạo không giam giữ.

Khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L1 7 tháng 15 ngày cải tạo không giam giữ.

Khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh B từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

Khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trịnh Thị N từ 6 đến 9 tháng cải tạo không giam giữ.

Khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Võ Thị Ngọc Đ 7 tháng 15 ngày cải tạo không giam giữ.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 10.340.000 đồng, 01 bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng.

Các bị cáo không bào chữa, không tranh luận với Đại diện Viện kiểm sát. Trước khi Hội đồng xét xử nghị án các bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo L1, N, Đ không nói lời sau cùng. Bị cáo L, C, B, T xin giảm nhẹ mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Chứng cứ xác định có tội của các bị cáo: Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 26/01/20120, biên bản ghi lời khai các bị cáo thể hiện ngày 26/01/2020 các bị cáo Phan Bá L, Trịnh Tiến C, Nguyễn Hoàng T, Nguyễn Văn L1, Nguyễn Thanh B, Trịnh Thị N đánh bạc thắng thua bằng tiền với tổng số tiền 9.830.000 đồng. Bị cáo Võ Thị Ngọc Đ không tham gia đánh bạc, nhưng bị cáo mua bài cho các bị cáo đánh bạc, nhận tiền xâu và bán nước uống, mì tôm phục vụ các bị cáo khác đánh bạc tại địa điểm do mình quản lý. Như vậy, hành vi trên của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Bản cáo trạng số 187/CT – VKS ngày 14 tháng 4 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo cũng như bản luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với các bị cáo là có căn cứ pháp luật.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo L, T, L1, B, N và Đ không có. Bị cáo C chưa được xóa án tích của bản án số 389/2019/HSST ngày 13/11/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm quy định điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo L, T, L1, B, N và Đ phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa tất cả các bị cáo thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo N phạm tội là người từ đủ 70 tuổi trở lên, bị cáo C có cha mẹ ruột là người có công với cách mạng được tặng thưởng huân huy chương kháng chiến hạng nhất, huân huy chương kháng chiến chống mỹ cứu nước, gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo, hiện bị cáo là lao động chính trong gia đình, đang nuôi dưỡng mẹ già 78 tuổi, nuôi chị gái bị bệnh tâm, điên và tâm thần. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trên quy định tại điểm i, o, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: Các bị cáo L, T, L1, B, N và Đ nhân thân tốt thể hiện việc không có tiền án, tiền sự, các bị cáo nhất thời phạm tội. Bị cáo C có nhân thân xấu thể hiện việc có tiền án, lần phạm tội này của bị cáo thể hiện sự không hướng thiện của bản thân cũng như việc chấp hành pháp luật.

[2] Về tính chất mức độ tội phạm: Tội phạm các bị cáo thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng do có khung hình phạt đến 03 năm tù. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến an toàn trật tự công cộng tại địa phương. Đánh bạc được xem là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm hình sự khác. Do vậy, hành vi trên của các bị cáo phải được xét xử nghiêm mới có tác dụng răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

[3] Trong vụ án có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, do không có sự phân công vai trò cụ thể của các bị cáo nên không xem là tội phạm có tổ chức, bị cáo L, C, T, L1, B và N tham gia với vai trò người thực hành, bị cáo Đ tham gia với vai trò giúp sức.

[4] Xét các bị cáo L, T, L1 và Đ có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, việc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng như áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự xử phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo cũng có tác dụng giáo dục, đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

Đối với bị cáo B có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét nhân thân bị cáo Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo hình phạt tiền cũng có tác dụng giáo dục răn đe phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo N hiện trên 70 tuổi, xét hoàn cảnh thực tế của bị cáo. Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[5] Đối với bị cáo C phạm tội trong thời gian thử thách của bản án số 389/2019/HSST ngày 13/11/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Dĩ An, tỉnh

Bình Dương. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự, đề tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung hình phạt của hai bản án

[6] Vật chứng thu giữ: Quá trình điều tra thu giữ 10.340.000 đồng, đây là tiền liên quan, sử dụng vào việc đánh bạc. Do vậy, cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Đối với bộ bài tây 52 lá sử dụng việc đánh bạc cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát Thành phố Dĩ An đưa ra tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân các bị cáo, việc xử lý vật chứng và mức hình phạt đối với bị cáo Nga, Bình phù hợp quan điểm của Hội đồng xét xử được chấp nhận. Đối với mức hình phạt bị cáo L, T, L1 và Đ phù hợp một phần với quan điểm của Hội đồng xét xử vì vậy được chấp nhận. Đối với mức hình phạt bị cáo C có phần nghiêm khắc. Do vậy, Hội xét xử xử phạt mức hình phạt bị cáo C thấp hơn mức hình phạt do đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[9] Án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Phan Bá L, Trịnh Tiến C, Nguyễn Hoàng T, Nguyễn Văn L1, Nguyễn Thanh B, Trịnh Thị N, Võ Thị Ngọc Đ phạm tội “Đánh bạc”.

1.1 Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Bá L 07 (bảy) tháng 24 (hai bốn ngày) cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 21/01/2020 đến ngày 13/4/2020 là 02 (hai) tháng 18 (mười tám) ngày, tương ứng với 07 (bảy) tháng 24 (hai mươi bốn) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bổ sung bằng tiền bị cáo Phan Bá L 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

1.2 Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 56, khoản 5 Điều 65 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trịnh Tiến C 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt tù cho hưởng án treo tại bản án số 389/2019/HSST ngày 13/11/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Bị cáo C phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 26/01/2020, bị cáo được tính trừ thời gian tạm giam từ ngày 07/3/2019 đến ngày 11/8/2019.

1.3 Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng T 07 (bảy) tháng 24 (hai bốn ngày) cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 26/01/2020 đến ngày 13/4/2020 là 02 (hai) tháng 18 (mười tám) ngày, tương ứng với 07 (bảy) tháng 24 (hai mươi bốn) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bổ sung bằng tiền bị cáo Nguyễn Hoàng T 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

1.4 Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L1 07 (bảy) tháng 15 (mười lăm) ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 26/01/2020 đến ngày 10/4/2020 là 02 (hai) tháng 15 (mười lăm) ngày, tương ứng với 07 (bảy) tháng 15 (mười lăm) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bổ sung bằng tiền bị cáo Nguyễn Văn L1 10 .000.000 đồng (mười triệu đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

1.5 Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh B 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng)

1.6 Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, o, s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trịnh Thị N 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường Tân Bình, Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương nhận được bản án và quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Trịnh Thị N cho Ủy ban nhân dân phường Tân Bình, Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

1.7 Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Võ Thị Ngọc Đ 07 (bảy) tháng 15 (mười lăm) ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 26/01/2020 đến ngày 10/4/2020 là 02 (hai) tháng 15 (mười lăm) ngày, tương ứng với 07 (bảy) tháng 15 (mười lăm) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bổ sung bằng tiền bị cáo Võ Thị Ngọc Đ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

2. Các biện pháp tư pháp:

2.1. Về vật chứng: Căn cứ Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự. Điều 89, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 10.340.000 đồng (mười triệu, ba trăm bốn mươi nghìn đồng)

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bộ bài tây đã qua sử dụng.

Theo biên lai thu tiền số 01512, biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/4/2020 tại Chi cục thi hành án Dân sự Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

2.2 Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14.

Các bị cáo Phan Bá L, Trịnh Tiến C, Nguyễn Hoàng T, Nguyễn Văn L1, Nguyễn Thanh B, Trịnh Thị N, Võ Thị Ngọc Đ mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP Dĩ An;
- Công an TP Dĩ An;
- Chi cục THA dân sự TP Dĩ An;
- Trại tạm giam CA tỉnh BD;
- TAND tỉnh BD;
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú;
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD;
- Phòng PC 81 CA tỉnh BD;
- Bị cáo;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Linh